

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật các đoạn cạn của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải.

Xét Đơn đề nghị số 240/ĐĐN-XNKSBĐATHHMN ngày 03/7/2025 của Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam về việc đề nghị công bố Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải (các đoạn cạn) năm 2025.

Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu thông báo về thông số kỹ thuật các đoạn cạn của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải như sau:

1. Đoạn luồng từ phao báo hiệu hàng hải (BHHH) số “0” đến hết vũng quay trở tàu tại khu vực ngã ba sông Gò Gia – sông Cái Mép – sông Thị Vải:

1.1. Đoạn từ phao BHHH số “1” – 470 m đến phao BHHH số “1” + 320 m, chiều dài khoảng 790 m:

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng, lún luồng xa nhất khoảng 70 m, độ sâu đạt 12,7 m nằm sát biên luồng.

Ngoài dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 350 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 15,5 m.

1.2. Đoạn từ phao BHHH số “1” + 950 m đến phao BHHH số “1” + 1150 m, chiều dài khoảng 200 m, độ sâu đạt 14,8 m.

1.3. Đoạn từ phao BHHH số “3” – 610 m đến phao BHHH số “3” – 310 m, chiều dài khoảng 300 m:

- Có các điểm độ sâu 13,9 m; 14,2 m; 14,3 m; 13,7 m; 14,0 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
13,9	10 ⁰ 18'20,3" N	107 ⁰ 04'04,4" E	10 ⁰ 18'16,7" N	107 ⁰ 04'10,8" E
14,2	10 ⁰ 18'18,0" N	107 ⁰ 03'58,1" E	10 ⁰ 18'14,4" N	107 ⁰ 04'04,6" E
14,3	10 ⁰ 18'22,4" N	107 ⁰ 04'05,0" E	10 ⁰ 18'18,8" N	107 ⁰ 04'11,5" E
13,7	10 ⁰ 18'22,6" N	107 ⁰ 04'05,3" E	10 ⁰ 18'18,9" N	107 ⁰ 04'11,7" E
14,0	10 ⁰ 18'22,8" N	107 ⁰ 04'05,6" E	10 ⁰ 18'19,1" N	107 ⁰ 04'12,0" E
14,5	10 ⁰ 18'20,5" N	107 ⁰ 04'04,6" E	10 ⁰ 18'16,8" N	107 ⁰ 04'11,0" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 350 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,6 m.

1.4. Đoạn từ phao BHHH số “5” – 930 m đến phao BHHH số “5” + 1300 m, chiều dài khoảng 2,23 km:

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “5” – 650 m đến phao BHHH số “5” – 200 m, chiều dài khoảng 450 m, lần luồng xa nhất khoảng 97 m, độ sâu đạt 12,4 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “5” – 200 m đến phao BHHH số “5” + 400 m, chiều dài khoảng 600 m, độ sâu đạt 11,9 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 15 m.

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “5” + 400 m đến phao BHHH số “5” + 1300 m, chiều dài khoảng 900 m, độ sâu đạt 14,2 m, độ sâu tại tim luồng đạt 15,1 m.

Ngoài các dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 350 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 15,5 m.

1.5. Đoạn từ phao BHHH số “12” + 1160 m đến phao BHHH số “15”, chiều dài khoảng 4,0 km:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “12” + 1160 m đến phao BHHH số “12” + 1460 m, chiều dài khoảng 300 m, lần luồng xa nhất khoảng 62 m, độ sâu đạt 14,2 m.

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ phao BHHH số “12” + 1460 m đến phao BHHH số “14” + 250 m, chiều dài khoảng 1,55 km, độ sâu đạt 13,7 m nằm sát biên trái luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 15,3 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “14” + 250 m đến phao BHHH số “15”, chiều dài khoảng 2,18 km, lần luồng xa nhất khoảng 120 m, độ sâu đạt 14,0 m.

- Có các điểm độ sâu 15,0 m; 15,2 m; 15,3 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
15,2	10 ⁰ 26’33,2” N	108 ⁰ 45’22,2” E	10 ⁰ 26’29,5” N	108 ⁰ 45’28,6” E
15,3	10 ⁰ 26’27,2” N	108 ⁰ 45’25,1” E	10 ⁰ 26’23,5” N	108 ⁰ 45’31,5” E
15,3	10 ⁰ 26’26,4” N	108 ⁰ 45’26,8” E	10 ⁰ 26’22,7” N	108 ⁰ 45’33,2” E
15,2	10 ⁰ 26’26,0” N	108 ⁰ 45’28,5” E	10 ⁰ 26’22,3” N	108 ⁰ 45’34,9” E
15,0	10 ⁰ 26’10,6” N	108 ⁰ 45’43,4” E	10 ⁰ 26’06,9” N	108 ⁰ 45’49,8” E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “15” – 960 m đến phao BHHH số “15”, chiều dài khoảng 960 m, lần luồng xa nhất khoảng 49 m, độ sâu đạt 14,7 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 350 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 15,5 m.

1.6. Đoạn từ phao BHHH số “15” đến phao BHHH số “17”, chiều dài khoảng 1,4 km:

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “15” + 500 m đến phao BHHH số “17”, chiều dài khoảng 900 m, lần luồng xa nhất khoảng 53 m, độ sâu đạt 13,4 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “16” – 320 m đến phao số “18”, chiều dài khoảng 1,2 km, lần luồng xa nhất khoảng 120 m, độ sâu đạt 12,0 m

Ngoài các dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 350 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,2 m.

1.7. Đoạn từ phao BHHH số “17” đến phao BHHH số “19” + 760 m, chiều dài khoảng 3,0 km:

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “17” đến phao BHHH số “19” – 800 m, chiều dài khoảng 1,4 km, lần luồng xa nhất khoảng 70 m, độ sâu đạt 12,9 m nằm sát biên luồng.

- Có điểm độ sâu 14,5 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
14,5	10 ⁰ 27'57,3" N	106 ⁰ 59'31,9" E	10 ⁰ 27'53,6" N	106 ⁰ 59'38,3" E

Ngoài điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 350 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,6 m.

2. Đoạn luồng từ phao BHHH số “26” – 300 m đến thượng lưu Bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép:

- Có các điểm độ sâu 13,8 m; 13,9 m; 13,6 m; 13,2 m; 13,5 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
13,8	10 ⁰ 31'38,2" N	107 ⁰ 00'51,1" E	10 ⁰ 31'34,6" N	107 ⁰ 00'57,5" E
13,8	10 ⁰ 31'39,8" N	107 ⁰ 00'51,5" E	10 ⁰ 31'36,1" N	107 ⁰ 00'57,9" E
13,9	10 ⁰ 31'41,4" N	107 ⁰ 00'54,6" E	10 ⁰ 31'37,7" N	107 ⁰ 01'01,1" E
13,6	10 ⁰ 31'51,4" N	107 ⁰ 00'59,1" E	10 ⁰ 31'47,8" N	107 ⁰ 01'05,5" E
13,2	10 ⁰ 31'51,9" N	107 ⁰ 00'59,5" E	10 ⁰ 31'48,2" N	107 ⁰ 01'06,0" E
13,5	10 ⁰ 31'59,4" N	107 ⁰ 01'08,1" E	10 ⁰ 31'55,8" N	107 ⁰ 01'14,5" E
13,8	10 ⁰ 31'56,5" N	107 ⁰ 01'11,1" E	10 ⁰ 31'52,9" N	107 ⁰ 01'17,5" E
13,9	10 ⁰ 31'59,1" N	107 ⁰ 01'08,3" E	10 ⁰ 31'55,4" N	107 ⁰ 01'14,7" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng từ 250 ÷ 310 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 14,0 m.

3. Đoạn luồng từ vũng quay trở tàu tại khu nước phía trước Nhà máy đóng tàu Ba Son đến thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA):

3.1. Đoạn từ phao BHHH số “32” + 420 m đến phao BHHH số “34” + 150 m, chiều dài khoảng 700 m:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “32” + 450 m đến phao BHHH số “34” – 260 m, chiều dài khoảng 250 m, lần luồng xa nhất khoảng 33 m, độ sâu đạt 11,3 m.

- Có các điểm độ sâu 11,9 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,9	10 ⁰ 32'56,9" N	107 ⁰ 01'03,4" E	10 ⁰ 32'53,3" N	107 ⁰ 01'09,8" E
11,9	10 ⁰ 32'57,5" N	107 ⁰ 01'02,0" E	10 ⁰ 32'53,9" N	107 ⁰ 01'08,4" E
11,9	10 ⁰ 32'58,2" N	107 ⁰ 01'00,2" E	10 ⁰ 32'54,5" N	107 ⁰ 01'06,7" E

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng từ 283 ÷ 310 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 12,0 m.

3.2. Đoạn từ phao BHHH số “33” đến phao BHHH số “44”, chiều dài khoảng 2,9 km:

- Có các điểm độ sâu 11,5 m; 11,2 m; 11,4 m tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,5	10 ⁰ 33’20,0” N	107 ⁰ 00’36,3” E	10 ⁰ 33’16,3” N	107 ⁰ 00’42,8” E
11,2	10 ⁰ 33’20,7” N	107 ⁰ 00’36,1” E	10 ⁰ 33’17,0” N	107 ⁰ 00’42,5” E
11,4	10 ⁰ 33’22,9” N	107 ⁰ 00’35,5” E	10 ⁰ 33’19,2” N	107 ⁰ 00’41,9” E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “35” + 120 m đến phao BHHH số “37” + 160 m, chiều dài khoảng 1,24 km, lần luồng xa nhất khoảng 90 m, độ sâu đạt 7,3 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “42” – 550 m đến phao BHHH số “44”, chiều dài khoảng 1,16 km, lần luồng xa nhất khoảng 140 m, độ sâu đạt 6,0 m nằm sát biên luồng.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng từ 283 ÷ 310 m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 12,0 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải trong luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để điều động đảm bảo an toàn hàng hải.

Ghi chú: Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ ĐC_VTTV_2506_01 đến ĐC_VTTV_2506_17, tỷ lệ 1/2000 do Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 6/2025. Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin cung cấp./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải; Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Trung tâm VTS Vũng Tàu;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Đài thông tin duyên hải Thành phố Hồ Chí Minh;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Duy Nhân

- Đài thông tin duyên hải Vũng Tàu;
- Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;
- Sở Xây dựng: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai;
- Sở NN&MT: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thủy sản – Kiểm ngư;
- Giám đốc cơ quan;
- Đăng website CVHHVT: <http://cangvuhanghaivungtau.gov.vn>;
- Các phòng nghiệp vụ, đại diện CVHHVT;
- Lưu VT, QLKCHT.

Danh sách nơi nhận kèm theo:

- Bộ Tư lệnh Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;
- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các Doanh nghiệp chủ tàu;
- Các Doanh nghiệp vận tải biển, vận tải thủy;
- Các Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hàng hải;
- Các Doanh nghiệp đại lý tàu biển.

Bình đồ số hóa

